

BẢNG TỔNG KẾT ĐIỂM HỌC KỲ - LẦN CAO NHẤT

Năm học: 2017 - 2018 Học kỳ : 1

Ngành đào tạo : Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông

Chuyên ngành : Xây dựng cầu đường

Lớp học : D17CD

[illegible]

TT	Mã sinh viên	Họ và tên	Điểm học tập			Chi tiết điểm các học phần																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																		
						ĐSTT (3.0)			QP-AN1 (3.0)			QP-AN2 (2.0)			QP-AN3 (3.0)			VLDC (3.0)			GTICH1 (2.0)			GDTC1 (1.0)			TINDC (2.0)			NLMLN1 (2.0)																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																										
			Xếp loại TBC	TBC	TBC TL	HP	ĐC	QĐ	HP	ĐC	QĐ	HP	ĐC	QĐ	HP	ĐC	QĐ	HP	ĐC	QĐ	HP	ĐC	QĐ	HP	ĐC	QĐ	HP	ĐC	QĐ	HP	ĐC	QĐ	HP	ĐC	QĐ	HP	ĐC	QĐ	HP	ĐC	QĐ	HP	ĐC	QĐ	HP	ĐC	QĐ																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																									
50	17DQ5802050044	Nguyễn Ngọc Thiện	Yếu	1.92	1.92	5.2	D+	1.5	6.5	C+	2.5	3.5	F	0	7.0	B	3	6.2	C+	2.5	5.4	D+	1.5	5.9	C	2	6.3	C+	2.5	5.1	D+	1.5																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																								</

Tổng HSSV: 66

Phủ Yên, ngày 04 tháng 01 năm 2018

Xếp loại	SL	Tỉ lệ	Xếp loại	SL	Tỉ lệ
Xuất sắc	0	0.00%	TB Khá	0	0.00%
Giỏi	1	1.52%	TB	10	15.15%
Khá	5	7.58%	Yếu	50	69.70%

NGƯỜI LẬP

KHOA CẦU ĐƯỜNG

Nguyễn Thị Thu Hường

Đình Văn Vinh